

TỪ CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC TRUYỀN THỐNG ĐẾN CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HÙNG HẬU*

Từ trước đến nay chúng ta đã nói nhiều về chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh, nhưng chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh đã kế thừa, phát triển như thế nào những tinh hoa của chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam là vấn đề mà chúng ta còn ít bàn đến.

Ở Việt Nam, quốc gia, dân tộc được hình thành tương đối sớm, do đó, tinh thần dân tộc, ý thức cộng đồng dân tộc cũng xuất hiện khá sớm. Tinh thần dân tộc này phát triển thành tinh thần yêu nước và chủ nghĩa yêu nước.

Yêu không chỉ bằng tình cảm, mà còn bằng lý trí, nhưng lấy tình cảm làm cơ sở. Nhưng “chủ nghĩa” lại nghiêng về lý trí, lý tính. Yêu không chỉ thể hiện bằng lời nói, chữ viết, thơ văn, mà còn thể hiện bằng hành động. Như vậy, chủ nghĩa yêu nước là lấy cái đạo lý (đạo nghĩa) yêu nước làm chính, làm cái cốt yếu và đối với mọi người dân Việt Nam, nó thể hiện ở tinh thần và hành động sẵn sàng hy sinh, xả thân vì nước, vì dân tộc, giống nòi.

Vậy, Hồ Chí Minh đã khắc phục những hạn chế nào, kế thừa và phát triển những tinh hoa nào của chủ nghĩa yêu nước truyền thống để trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, hình thành nên chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh?

Trước hết, chúng ta hãy xem những hạn chế của chủ nghĩa yêu nước truyền thống là ở đâu?

1. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống gắn liền với chủ nghĩa yêu nước của một gia tộc, một dòng họ, một triều đại tiến bộ.

* PGS. TS. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Trong chủ nghĩa yêu nước truyền thống có khuynh hướng yêu nước chỉ bằng lời nói, ngôn ngữ, văn thơ mà không gắn liền với hành động, tạo ra cái gọi là khuynh hướng yếm thế, tiêu cực trong chủ nghĩa yêu nước.

3. Lại có khuynh hướng yêu nước nghiêng về bạo lực quân sự để đánh đuổi giặc ngoại xâm như Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thái Học.

4. Có khuynh hướng yêu nước muốn đánh đuổi quân xâm lược nhưng lại dựa vào người khác, không coi tự lực cánh sinh là chính như Phan Bội Châu. Khuynh hướng này, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Đuổi hùm cửa trước, rước beo cửa sau”.

5. Có khuynh hướng “ỷ Pháp cầu tiến”, tức là chống triều đình phong kiến bảo thủ, lạc hậu, cải cách chính trị, phát triển kinh tế, văn hoá để tương đương với Pháp, từ đó làm cho Pháp phải công nhận tự chủ, bình đẳng của Việt Nam. Đó là chủ trương của Tây Hồ mà thực chất là mong địch rủ lòng thương.

Tất cả những khuynh hướng trên đều là yêu nước, song mỗi khuynh hướng đều có những hạn chế của nó. Vậy, Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển những tinh hoa nào của chủ nghĩa yêu nước truyền thống?

Trước hết, quan niệm yêu nước ở Hồ Chí Minh cũng hoàn toàn khác với truyền thống.

Hồ Chí Minh cho rằng, đã là người Việt Nam, đã là con Lạc cháu Hồng thì ít hay nhiều, ai cũng có lòng yêu nước. Có thể có người, ở lúc nào đó, trong một hoàn cảnh nào đó, đã vì lợi nhỏ mà quên nghĩa lớn, song nhìn chung, không ai lại không có lòng yêu nước. Đây là quan điểm mang tính chất nhân đạo cao cả và gần gũi với triết học phương Đông - quan điểm cho rằng, trong mỗi con người đều có bản thể bản trụ. Đây cũng là quan điểm triết học uyên thâm, sâu sắc. Không phải người nào cũng có cái nhìn như vậy và không phải ai cũng nhìn ra điều đó. Quan điểm “ai cũng có lòng yêu nước” đã vượt xa quan điểm của những nhà tư tưởng phương Đông và Việt Nam trước kia.

Theo Hồ Chí Minh, dân ta không chỉ có lòng yêu nước, mà còn có lòng yêu nước nồng nàn, đó là một truyền thống quý báu của ta. Người viết: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”⁽¹⁾. Như vậy, với Người thì lòng yêu nước cũng chính là tinh thần yêu nước. Trong triết học, tinh thần hầu như trùng với ý thức gồm hai yếu tố cơ bản là tri thức và tình cảm. Theo đó, có thể nói, Hồ Chí Minh đã vượt lên trên các nhà tư tưởng trước kia khi cho rằng, lòng yêu nước, tinh thần yêu nước còn bao gồm trong đó tri thức chứ đâu chỉ có tình cảm đơn thuần.

Truyền thống này đã được lịch sử chống ngoại xâm của ta chứng minh. Và, không chỉ lịch sử, mà cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta cũng là một minh chứng hùng hồn cho điều đó. Người viết: “Đồng bào ta ngày

nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc, đang tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhin ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc thương yêu bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước”⁽²⁾. Như vậy, yêu nước không chỉ là cầm súng đứng ở tiền tuyến trực diện tiêu diệt quân thù, mà còn thể hiện ở những công việc cụ thể vô cùng phong phú đa dạng diễn ra ở mọi lúc, mọi nơi, mọi lứa tuổi nhằm mục đích giành thắng lợi trong kháng chiến. Trong thư gửi các chiến sĩ trẻ quyết tử quân Thủ đô, Người cho rằng, tinh thần tự tôn, tự lập của dân tộc - một phần của tinh thần yêu nước - là bất diệt. Do đó, tinh thần yêu nước, lòng yêu nước của đồng bào ta cũng là bất diệt. Theo Người, tinh thần yêu nước - của quý mà chúng ta cần phải nâng niu, quý trọng - có khi rõ ràng, dễ thấy, nhưng cũng có khi ẩn giấu kín đáo, rất khó nhận ra. Nhiệm vụ của chúng ta là làm sao cho của quý kín đáo ấy được đem ra trưng bày để ai cũng thấy, bằng cách ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo để tinh thần yêu nước của mọi người đều được thực hành vào công cuộc kháng chiến. Người viết: “Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến”⁽³⁾.

Trong mỗi con người đều có một thứ của quý, đó là chủ nghĩa yêu nước, là lòng ái quốc. Nó cũng giống như Phật tính trong mỗi con người. Nhưng nếu như Phật tính mờ hay tỏ phụ thuộc vào mức độ của tham, sân, si và tương đối trừu tượng, thì lòng ái quốc, theo Người, cũng có thể vì lợi nhỏ mà nhất thời quên lãng, song là tương đối cụ thể. Do vậy, tinh thần yêu nước ở Người cũng khác hẳn với tinh thần “vị quốc” hẹp hòi của bọn đế quốc phản động.

So với chủ nghĩa yêu nước trong lịch sử, quan niệm về chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh đã có bước phát triển mới về chất. Lòng ái quốc này là cái vốn quý giá trong mỗi con người, trong suốt cuộc đời, là giá trị bền vững và trường tồn cùng với con người và dân tộc Việt Nam.

Vậy, những tinh hoa nào trong chủ nghĩa yêu nước truyền thống được Hồ Chí Minh kế thừa, phát triển lên một bước mới trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lênin?

1. Chủ nghĩa yêu nước chân chính thể hiện rõ nhất khi có giặc ngoại xâm thì việc làm cấp bách trước hết là đánh đuổi quân xâm lược. Bởi vậy, truyền thống đánh giặc ngoại xâm là tinh hoa đầu tiên của chủ nghĩa yêu nước truyền thống mà tư tưởng Hồ Chí Minh kế thừa. Chính vì khát vọng giải phóng dân tộc mà 21 tuổi, Người đã ra đi tìm đường cứu nước. Khi đã tìm ra con đường cứu nước, khi đã có cái “cẩm nang”, Người đã xác định trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ đấu tranh giành tự do, độc lập.

Từ đó, suốt cuộc đời Người đã dấn thân vào sự nghiệp vẻ vang vô cùng vĩ đại đó. Người đã xác định rõ cái bất biến lúc này là độc lập, tự do; còn cái vạn biến là những sự kiện, tình hình trong các lĩnh vực, trên các mặt trận như chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, binh vận ở từng thời điểm, trong mỗi thời kỳ cụ thể; và phương châm của Người là: “Dĩ bất biến ứng vạn biến”. Thấm thía nỗi nhục của người dân mất nước, mất tự do, “cay đắng chi bằng mất tự do”, Người đã phát huy tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc “thà chết tự do còn hơn sống nô lệ”, “chết trong còn hơn sống đục”. Đối với dân tộc bị vong quốc nô thì cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng, giải phóng dân tộc là cao hơn hết thảy, phải đặt lợi ích của Tổ quốc lên trên hết. Kế tiếp truyền thống “Nam quốc Sơn hà”, “Hịch Tướng sĩ”, “Đại Cáo Bình Ngô”, Người kêu gọi toàn quốc đứng dậy đập ách phá xiềng: “Hơn hai mươi triệu con cháu Lạc Hồng quyết không chịu làm vong quốc nô mãi”, “toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà giải phóng cho ta”, “chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, “không có gì quý hơn độc lập tự do”. Người đã nâng cách mạng giải phóng dân tộc lên tầm cao mới bằng cách phát huy hết mọi khả năng, tiềm lực của mỗi con người và hơn nữa, còn gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Hưởng ứng lời kêu gọi của Người, toàn dân tộc Việt Nam đã nhất tề đứng lên đập tan chủ nghĩa thực dân Pháp, giải phóng hoàn toàn miền Bắc (năm 1954) và giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (năm 1975), hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đem lại độc lập, tự do cho đất nước.

2. Muốn đánh đuổi quân xâm lược, xây dựng đất nước thì phải đoàn kết toàn dân. Đoàn kết dân tộc vừa là phương tiện để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời cũng là tinh hoa của chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam. Nhờ đoàn kết mà chúng ta đã tạo nên sức mạnh chiến thắng trong các cuộc chiến tranh giành độc lập và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy truyền thống đoàn kết là sức mạnh, Hồ Chí Minh cho rằng, đoàn kết là thắng lợi, đoàn kết là thành công: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công”.

Hồ Chí Minh đã kế thừa, phát triển truyền thống đoàn kết lên một tầm cao mới trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin ở chỗ, Người kêu gọi đoàn kết không chỉ giữa các tầng lớp, giai cấp, dân tộc, mà còn đoàn kết với các lực lượng tiến bộ, phong trào cách mạng và giai cấp vô sản thế giới. Người cho rằng, hạt nhân đoàn kết là hai giai cấp cơ bản - công nhân và nông dân. Từ đó, trong từng thời kỳ, Người lập ra Mặt trận đoàn kết nhằm thống nhất lực lượng cả nước để đạt đến mục tiêu chung.

3. Muốn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thì điều cốt yếu là phải dựa vào dân, bởi vậy, lấy dân làm gốc là đường lối trị nước đồng thời cũng là tinh hoa của chủ nghĩa yêu nước truyền thống. Tư tưởng lấy dân làm gốc biểu hiện vô cùng phong phú trong lịch sử, chẳng hạn, “trên vàng mệnh trời, dưới theo ý dân” của Lý Công Uẩn; “lòng dân không chia, cả nước góp sức, giặc tự bị bắt”, “khoan thư sức dân để làm kế sâu gốc bền rễ” của Trần Quốc Tuấn, “chở thuyền là dân và lật thuyền cũng là dân”, “theo ý mình mà ức lòng dân tất đến trăm năm oán hận” của Nguyễn Trãi; nước lấy dân làm gốc, muốn giữ được nước cốt phải được lòng dân, hay mất nghìn vàng chớ để mất lòng dân của Nguyễn Bình Khiêm; lòng dân có thể xoay chuyển trời đất của Ngô Thì Nhậm; người làm chính trị không được trái ý muốn của dân, phải yêu cái dân yêu, ghét cái dân ghét của Minh Mệnh;...

Quan niệm về dân của Hồ Chí Minh đã có thay đổi về chất. Dân ở Người là nhân dân, quần chúng, đồng bào mà công nông là nòng cốt. Người cho rằng, trong bầu trời này không gì quý bằng nhân dân. Người nói:

“Nước lấy dân làm gốc; Gốc có vững cây mới bền; Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”.

Ở đây, cùng một câu nói “Nước lấy dân làm gốc” nhưng nội dung khác hẳn nhau. Một bên coi dân là người bị trị, thụ động, không có sức sáng tạo; còn Hồ Chí Minh coi dân là quý nhất, là lực lượng vô địch, là người sản xuất ra mọi của cải vật chất và tinh thần cho xã hội, là nguồn sáng tạo bất tận, là động lực của lịch sử. Rằng, dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong. Từ đó, Người chủ trương xây dựng Nhà nước không phải đứng trên dân, đè đầu, cuỡi cổ dân, mà Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Người coi dân như nước, Nhà nước, cách mạng như thuyền, cán bộ như cá, Đảng là người cầm lái, chủ nghĩa là trí khôn, la bàn. Rằng, các cơ quan của Chính phủ, từ toàn quốc cho đến các làng, đều là đây tóc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải là đè đầu cuỡi cổ dân. Như vậy, dân không chỉ là gốc, nền móng, mà còn là chủ. Người nói: “*Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân*”⁽⁴⁾.

Theo Người, dân chủ động viên, khai thác được mọi tiềm năng của con người, từ đó tạo nên động lực, sức mạnh.

4. Trong chủ nghĩa yêu nước truyền thống, đặc biệt là chủ nghĩa yêu nước thời Lý - Trần, chúng ta thấy có một quan điểm nhân văn vô cùng sâu sắc; liên quan đến câu hỏi: Tại sao các vua thời Lý - Trần khi đánh tan quân xâm lược, họ thường từ bỏ ngai vàng đi tu? Phải chăng, họ lo cho bản thân họ? ở đây, ta phải nhìn rộng ra, đó là tư tưởng nhân văn của Phật giáo - tư tưởng thể hiện mục đích của Phật - là cứu khổ. Cứu khổ cho chúng sinh, cho con người là một tư tưởng cực kỳ nhân văn, còn có cứu được hay không lại là chuyện khác. Các vua triều Trần đã nhận thấy, khi đất nước bị dày xéo, bị vó ngựa quân xâm lược thì

cái khổ lớn nhất là nạn ngoại xâm. Bởi vậy, công việc đầu tiên là đánh đuổi kẻ thù ra khỏi bờ cõi, đem lại hoà bình cho đất nước. Nhưng khi đất nước sống trong cảnh thanh bình thì con người vẫn bị những nỗi khổ thường nhật dày vò, nỗi khổ như sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tâng hội, ngũ ấm xí thịnh. Bởi vậy, các ông muốn diệt những nỗi khổ này cho mọi người. Đó là lý do cơ bản khiến các ông xuất gia.

Kế thừa và phát triển tư tưởng nhân văn đó, tư tưởng cứu khổ cho dân không chỉ khỏi nạn ngoại xâm, nạn vong quốc, mà còn khỏi nỗi khổ thường nhật và phát triển lên tầm cao mới trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã tìm ra con đường cách mạng và lãnh đạo toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh, đem lại độc lập cho dân tộc; đi xa hơn, Người còn cho rằng, nếu độc lập mà dân không được hưởng tự do, hạnh phúc thì độc lập chẳng có nghĩa lý gì; bởi vậy, Người đã gắn giải phóng dân tộc với chủ nghĩa xã hội; đã làm cách mạng, theo Người, thì nên làm cho đến nơi, thế mới khỏi phải hy sinh nhiều lần.

Nhưng khác với thời Lý - Trần, các ông vua thời này với tâm huyết, nguyện vọng như trên, nhưng có mấy ai thoát khổ; còn chúng ta, sau khi giành được độc lập và tiến lên chủ nghĩa xã hội thì dân ta đang được hưởng tự do, hạnh phúc và dân chủ thật sự. Một bên, hầu như chỉ là nguyện vọng, còn một bên đã, đang và sẽ trở thành hiện thực ngày một sinh động hơn, tốt hơn với những đường lối, chính sách cụ thể, thiết thực. Toàn Đảng, toàn dân ta đang đoàn kết một lòng, hướng đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã kế thừa, phát triển những tinh hoa của chủ nghĩa yêu nước truyền thống lên một tầm cao mới trên cơ sở nền tảng là chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đó, Người đã tạo ra một giai đoạn mới về chất của chủ nghĩa yêu nước - chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống có nhiều tinh hoa và đóng vai trò động lực quan trọng trong lịch sử. Nhưng đứng trước súng đạn, sức mạnh của tư bản Pháp thì chủ nghĩa yêu nước truyền thống này đã tỏ ra bất lực. Thật may mắn cho dân tộc Việt Nam, trong thời kỳ đen tối như không có đường ra thì xuất hiện một bó đuốc soi đường - đó là chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh đã dẫn dắt toàn dân Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và là giá trị trường cửu, bất biến của dân tộc(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên *Tạp chí Triết học*, số 9/2005.

1. *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, t.6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.171.
2. *Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.172.
3. *Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.172.
4. *Hồ Chí Minh, Sđd*, t.5, tr.698.